

**HƯỚNG DẪN BỔ SUNG**  
**Phương pháp xác định giá đất làm vật liệu đắp và san lấp công trình**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010; Luật Giá năm 2012; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Xây dựng năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì xây dựng; Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành Định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Công văn số 1809/UBND-CNXD ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, công bố đơn giá đất làm vật liệu đắp và san lấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 189/TB-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh mục hàng hóa là đất làm vật liệu đắp và san lấp thuộc diện phải kê khai giá.

Để việc xác định giá đất làm vật liệu đắp và san lấp công trình trên địa bàn tỉnh thống nhất, phù hợp với tình hình thực tế và các chế độ chính sách tại thời điểm. Sở Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định giá đất làm vật liệu đắp và san lấp công trình tại các điểm mỏ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác để các

tổ chức, đơn vị doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ, xác định, xây dựng giá thành sản phẩm, kê khai giá với các Sở: Xây dựng, Tài chính, làm cơ sở Công bố giá và để Chủ đầu tư, các chủ thể có liên quan áp dụng, tham khảo trong lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, cụ thể như sau:

## **I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Hướng dẫn này quy định về phương pháp xác định giá đất làm vật liệu đắp và san lấp công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **2. Đối tượng áp dụng**

- Hướng dẫn này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước; các chủ đầu tư, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp và các chủ thể có liên quan áp dụng, tham khảo trong việc xác định, xây dựng giá đất làm vật liệu đắp và san lấp tại các điểm mỏ để thực hiện kê khai giá, công bố giá phục vụ cho việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

- Các chủ đầu tư, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp tham gia hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá áp dụng lập phương án giá xác định giá đất làm vật liệu đắp và san lấp công trình trên địa bàn tỉnh.

## **II. NGUYÊN TẮC CHUNG VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN**

Phương pháp xác định giá đất làm vật liệu đắp và san lấp công trình trong Hướng dẫn này được thực hiện đảm bảo theo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với định mức vật tư trong xây dựng được Bộ Xây dựng ban hành;

- Các hao phí liên quan trong công tác khai thác đất làm vật liệu đắp và san lấp được áp dụng theo định mức dự toán trong xây dựng công trình căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng của Bộ Xây dựng, trên cơ sở đặc điểm, tính chất công việc, điều kiện khai thác tương tự và yêu cầu về hiệu quả kinh tế, phù hợp với điều kiện khai thác thực tế của từng điểm mỏ.

- Đáp ứng yêu cầu chi trả một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà đầu tư, đơn vị, cá nhân tham gia hoạt động khai thác, chế biến vật liệu xây dựng theo quy định.

## **III. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH, TÍNH TOÁN GIÁ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU ĐẮP VÀ SAN LẤP**

Giá đất làm vật liệu đắp và san lấp nằm trong chi phí vật liệu là một thành phần của chi phí trực tiếp thuộc khoản mục chi phí xây dựng và được dự tính trong tổng mức đầu tư/dự toán xây dựng công trình.

Giá đất làm vật liệu đắp và san lấp trong Hướng dẫn này là giá tại mỏ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác, bao gồm chi phí xúc lên phương tiện vận chuyển, các khoản mục chi phí: Chi phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư; chi phí xây dựng, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác có liên quan (nếu có) và chưa có thuế Giá trị gia tăng, chưa có chi phí vận chuyển từ mỏ đến chân công trình. Cụ thể như sau:

**1. Chi phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư:** Được xác định theo các quy định

hiện hành về chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Giá trị cụ thể phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở đưa vào cơ cấu chi phí để tính toán giá đất làm vật liệu đắp và đất san lấp công trình (nếu có).

## **2. Chi phí xây dựng:**

Chi phí xây dựng gồm: Chi phí phát, chặt cây, bóc bỏ tầng đất hữu cơ; chi phí làm đường vào mỏ và đường công vụ; chi phí xây dựng công trình phụ trợ (nếu có).

a) Chi phí phát, chặt cây, bóc bỏ tầng đất hữu cơ: Được xác định bằng dự toán xây dựng trên cơ sở định mức dự toán xây dựng đã được Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng (phần định mức công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng) - Việc xác định cấp đất và áp dụng mã hiệu định mức hao phí phải phù hợp với tính chất, nội dung, thành phần công việc, đảm bảo theo quy định.

b) Chi phí làm đường vào mỏ và đường công vụ; chi phí xây dựng công trình phụ trợ (nếu có): Được xác định bằng dự toán xây dựng trên cơ sở định mức dự toán xây dựng đã được Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng - Việc xác định cấp đất và áp dụng mã hiệu định mức hao phí phải phù hợp với tính chất, nội dung, thành phần công việc, đảm bảo theo quy định.

## **3. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:**

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng gồm: Chi phí khảo sát địa hình, đo đạc bản đồ; chi phí thăm dò khoáng sản; chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); chi phí lập hồ sơ khai thác (nếu có).

a) Chi phí khảo sát địa hình, đo đạc bản đồ: Được xác định bằng dự toán xây dựng trên cơ sở định mức dự toán khảo sát xây dựng đã được Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng (áp dụng mã hiệu định mức hao phí phù hợp với tính chất, nội dung, thành phần công việc, đảm bảo theo quy định).

b) Chi phí thăm dò khoáng sản:

Áp dụng theo quy định tại Điều 6, Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư; Thông tư số 23/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư hoặc căn cứ theo Hợp đồng kinh tế giữa chủ khai thác mỏ và đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ lấy mẫu, khoan thăm dò, đánh giá trữ lượng chất lượng và được cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt trữ lượng.

c) Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Xác định bằng lập dự toán chi phí theo quy định tại Phụ lục số 8 (ban hành kèm

theo Thông tư số 12/2021/TT- BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng) và các nội dung khác có liên quan. Trên cơ sở Quyết định phê duyệt kinh phí đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

d) Chi phí lập hồ sơ khai thác (nếu có): Xác định bằng cách lập dự toán chi phí theo quy định tại Phụ lục số 8 (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT- BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng) và các nội dung khác có liên quan. Trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo Kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước do chủ đầu tư trình.

#### **4. Chi phí khác:**

Chi phí khác gồm: Phí bảo vệ môi trường; thuê tài nguyên; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng; tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; tiền thuê đất; tiền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (nếu có).

c) Chi phí hỗ trợ địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được hạch toán vào chi phí sản xuất: theo quy định tại khoản 3, Điều 16, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Trên cơ sở xác nhận của chính quyền địa phương, đơn vị doanh nghiệp và các bên có liên quan.

d) Tiền thuê đất: Được xác định theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 12, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Trên cơ sở Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tiền thuê đất.

e) Mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản; Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản đối với hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có): Được quy định tại Biểu mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.

f) Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (nếu có): Được quy định tại Điều 3, Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Dự toán chi phí được xác định theo Điều 5, Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh. Trên cơ sở quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

*Lưu ý: Các chi phí: bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí tư vấn, chi phí khác... phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định (nếu có) về cơ sở pháp lý qua Báo cáo Kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư do chủ đầu tư trình.*

#### **5. Các chi phí hợp lý khác (nếu có)**

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ

Tài chính về quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ.

## **6. Chi phí xúc đất lên phương tiện vận chuyển**

Chi phí xúc đất lên phương tiện vận chuyển theo chi phí thực tế hoặc tham khảo định mức xây dựng theo Thông tư 12/2021/TT- BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng, giá ca máy theo Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

## **7. Khấu hao tài sản, vật kiến trúc (nếu có)**

Theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

## **7. Lợi nhuận**

Mức lợi nhuận tối đa bằng 3% trên tổng chi phí (*áp dụng mục III Phụ lục III Phương pháp xác định chi phí xây dựng Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng*).

### **Ghi chú:**

Khi có sự thay đổi về chế độ chính sách về: giá nhân công, ca máy, định mức, thuế, phí và các nội dung liên quan khác đề nghị các tổ chức, cá nhân cập nhật điều chỉnh cho phù hợp với quy định hiện hành.

## **8. Xác định Hệ số toi xóp của đất $K_{TX}$**

### **a) Về cơ sở lý thuyết**

- Theo TCVN 4447:2012 Công tác đất – thi công và nghiệm thu thì hệ số toi xóp của đất có giá trị từ 1,14 ÷ 1,32.

- Khi đất ở trạng thái nguyên thổ (ở nền đào hoặc bãi lấy/khai thác đất) nó có độ chặt tự nhiên là  $K_{TN}$ , khối lượng thể tích khô ở trạng thái nguyên thổ là  $\gamma_{TN}$ , xác định độ chặt tự nhiên (ở trạng thái nguyên thổ) sẽ thực hiện thông qua công tác thí nghiệm tại hiện trường bằng phương pháp dao vòng.

Đất này mang đi thí nghiệm đầm chặt (đầm nén tiêu chuẩn) sẽ tìm được khối lượng thể tích khô lớn nhất  $\gamma_0$  – tương ứng với độ chặt  $K = 1$  (hoặc 100%). Khi đào đất này lên để vận chuyển đi nơi khác (đến bãi thải hoặc đoạn nền đắp), lúc này đất sẽ toi xóp ra và làm tăng thể tích đất, ta xác định khối lượng thể tích xóp ở trạng thái khô là  $\gamma_x$  bằng cách thí nghiệm tại hiện trường theo phương pháp dao vòng.

Hệ số toi xóp  $K_{TX}$  của đất: 
$$K_{TX} = \frac{\gamma_{TN}}{\gamma_x}$$

Với mỗi loại đất khác nhau có trạng thái nguyên thổ khác nhau, dùng máy đào đất khác nhau hệ số này sẽ rất khác nhau.

### **b) Thí nghiệm xác định hệ số toi xóp của đất trên phương tiện vận chuyển**

- Xuất phát từ tình hình thực tế trong công tác đắp nền đường, nền đắp, một số

nhà thầu thi công chưa được cấp quyền khai thác mỏ đất phải mua đất từ các đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ đất. Nhưng thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh các đơn vị thi công phải mua đất từ các đơn vị được cấp quyền khai thác mỏ đất. Khối lượng đất mua được đo đếm trên phương tiện vận chuyển. Do vậy phải thí nghiệm để xác định hệ số toi xốp của đất trên phương tiện vận chuyển.

Từ cơ sở lý thuyết nêu trên, để xác định  $K_{TX}$  ta phải thí nghiệm dung trọng khô  $\gamma_{TN}$  ở trạng thái nguyên thổ của mỏ đất và dung trọng khô  $\gamma_X$  ở trạng thái toi xốp của đất trên phương tiện vận chuyển.

Các doanh nghiệp khai thác đất khi kê khai giá đất phải thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực theo quy định để thí nghiệm xác định dung trọng khô  $\gamma_{TN}$  ở trạng thái nguyên thổ của mỏ đất và dung trọng khô  $\gamma_X$  ở trạng thái toi xốp của đất trên phương tiện vận chuyển để từ đó xác định hệ số toi xốp của đất  $K_{TX}$  trên phương tiện vận chuyển phục vụ cho việc tính toán giá đất trên phương tiện vận chuyển.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các chủ đầu tư, đơn vị doanh nghiệp tham gia hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác, căn cứ Hướng dẫn này để áp dụng, tham khảo xây dựng giá và thực hiện kê khai giá với các Sở: Tài chính, Xây dựng.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác đất làm vật liệu san lấp công trình trên địa bàn tỉnh phản ánh kịp thời bằng Văn bản về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết.

Hướng dẫn này bổ sung Hướng dẫn số 757/HD-SXD ngày 29/4/2022 của Sở Xây dựng./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban QLDA các công trình XD DD&CN; Giao thông tỉnh;
- Các DN được cấp phép khai thác mỏ đất;
- GD, các PGĐ Sở;
- Website của Sở;
- Lưu VT, CL&VLK;

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hồng**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SXD ngày /5/2022 của Sở Xây dựng)

<b>TT</b>	<b>Thành phần chi phí</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Chi chú</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng mỏ</b>	<b>Đồng</b>	<b><math>XD = \sum_1^6 XD_i</math></b>		
1.1	Mở đường vào mỏ	Đồng	XD1		
1.2	Chi phí phát rừng	Đồng	XD2		
1.3	Chi phí bóc đất tầng phủ	Đồng	XD3		
1.4	Chi phí cải tạo phục hồi môi trường	Đồng	XD4		
1.5	Chi phí duy tu đường vào mỏ	Đồng	XD5		
1.6	.....	Đồng	XD6		
<b>2</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ</b>	<b>Đồng</b>	<b><math>BT = \sum_1^5 BT_i</math></b>		
2.1	Chi phí bồi thường đất	Đồng	BT1		
2.2	Chi phí bồi thường cây cối, hoa màu	Đồng	BT2		
2.3	Chi phí phục vụ bồi thường, GPMB	Đồng	BT3		
2.4	Bồi thường mỏ mả	Đồng	BT4		
2.5	.....	Đồng	BT5		
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn lập hồ sơ khai thác mỏ</b>	<b>Đồng</b>	<b><math>TV = \sum_1^5 TV_i</math></b>		
3.1	Chi phí khảo sát thiết kế mỏ	Đồng	TV1		
3.2	Khảo sát địa hình, địa chất	Đồng	TV2		
3.3	Đánh giá trữ lượng	Đồng	TV3		
3.4	Thí nghiệm hệ số toi xốp	Đồng	TV4		
3.5	Chi phí lập hồ sơ môi trường	Đồng	TV5		
<b>4</b>	<b>Các chi phí khác (nếu có)</b>	<b>Đồng</b>	<b><math>CK = \sum_1^5 CK_i</math></b>		
6.1	Hỗ trợ địa phương	Đồng	CK1		
6.2	Tưới nước đường	Đồng	CK2		
6.3	Chi phí thuê đất	Đồng	CK3		
6.4	Lệ phí cấp quyền	Đồng	CK4		
6.5	Chi phí khác (nếu có)	Đồng	CK5		
<b>5</b>	<b>Quản lý khai thác mỏ</b>	<b>Đồng</b>	<b>CPC</b>		<i>Dự toán chi tiết</i>
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b><math>L = (XD + BT + CK + CPC) \times 3\%</math></b>		
<b>7</b>	<b>Tổng chi phí khai thác trước thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b><math>T = XD + BT + CK + CPC + L</math></b>		
<b>8</b>	<b>Trữ lượng khai thác</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>TL</b>		
<b>9</b>	<b>Giá thành khai thác trước thuế</b>	<b>đ/m<sup>3</sup></b>	<b><math>G = T/TL</math></b>		
<b>10</b>	<b>Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>đ/m<sup>3</sup></b>	<b>CQ</b>		
<b>11</b>	<b>Phí bảo vệ môi trường</b>	<b>đ/m<sup>3</sup></b>	<b>P</b>		
<b>12</b>	<b>Thuế tài nguyên</b>	<b>đ/m<sup>3</sup></b>	<b>TTN</b>		
<b>13</b>	<b>Giá thành khai thác 1m<sup>3</sup> đất nguyên thổ</b>	<b>đ/m<sup>3</sup></b>	<b>G<sub>NT</sub></b>		
<b>14</b>	<b>Hệ số toi xốp</b>	$\frac{\gamma_{TN}}{\gamma_X}$	<b>K<sub>TX</sub></b>		
<b>15</b>	<b>Giá thành khai thác 1m<sup>3</sup> đất trên xe (chưa bao gồm thuế GTGT)</b>	<b>đ/m<sup>3</sup></b>	<b>G<sub>TX</sub></b>		